

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN
Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**
- Tên giao dịch: **POSTEF**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100686865, đăng ký lần đầu ngày 07/6/2005, thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2013.
- Vốn điều lệ: 194.400.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.300.060.000 VND
- Địa chỉ: số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 38455946 – (024) 37338404
- Số fax: (024) 38234128
- Website: www.postef.com.vn
- Mã cổ phiếu: **POT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xưởng Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/3/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/9/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), và chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686865 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/6/2005, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 08/5/2013.

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.

2.2. Quá trình phát triển:

Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (Postef) chính thức hoạt động từ 01/7/2005, trải qua hơn 12 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, tổng doanh thu qua các năm 2014 (606,15 tỷ đồng), năm 2015 (1.631,98 tỷ đồng), năm 2016 (1.277,27 tỷ đồng), năm 2017 (1.727,45 tỷ đồng), năm 2018 (1.645,36 tỷ đồng) tình hình lao động ổn định, số lượng CBCNV công ty 445 người, thu nhập được đảm bảo ổn định, không ngừng tăng lên trong các năm qua, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập cho người lao động trong công ty.

Với 03 chi nhánh kinh doanh, 04 nhà máy và 02 công ty con (100% vốn của Postef) đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thể mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều

kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để ở mức độ phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phiên bản mới nhất ISO 9001:2015. Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của nhà nước, của ngành và tiêu chuẩn cơ sở. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra Postef luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nghiên cứu phát triển làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang, nghiên cứu phát triển sản phẩm Antena 4G đa băng tần, đa công (> 6 công) đáp ứng chuẩn LTE-A, nghiên cứu phát triển công nghệ ắc quy Lithium, xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị khai thác bưu chính, thiết bị Node quang sử dụng cho mạng truyền hình cáp, thiết bị tủ viễn thông ngoài trời dùng cho trạm thu phát sóng di động mini, giải pháp hạn chế ảnh hưởng của sét đến các thiết bị đầu cuối Set Top Box và Modem xDSL khai thác trên mạng lưới của VNPT. Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) của Công ty và các nhà máy có đội ngũ cán bộ trên 30 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720
2	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
3	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
5	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ: xây lắp, tư vấn, kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học; - Kinh doanh dịch vụ: xây lắp bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng khác; - Xây lắp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;	4329
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học; - Kinh doanh trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, công nghiệp; - Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;	4669
10	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
11	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
12	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
13	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
16	Bán phụ-tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
19	Phá dỡ	4311
20	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
22	Cho thuê xe có động cơ	7710
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ;	7490
24	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, tin học;	3290
25	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê hoạt động: đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810

3.2. Địa bàn kinh doanh

Với 03 chi nhánh kinh doanh, 04 nhà máy và 02 công ty con, địa bàn kinh doanh của Công ty trải đều trên cả 3 miền: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh), miền Trung (Đà Nẵng), miền Nam (TPHCM). Trong đó địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chiếm trên 90% tổng doanh thu của công ty.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát

- + Ban Tổng giám đốc điều hành
- + Các phòng, ban, trung tâm chức năng công ty
- + Các chi nhánh, nhà máy trực thuộc công ty
- + Công ty con
- + Công ty liên kết

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của POSTEF, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ POSTEF quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh POSTEF để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của POSTEF, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám Đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật và điều lệ POSTEF, các quy chế nội bộ của POSTEF và Nghị quyết ĐHCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của POSTEF. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám Đốc:

Công ty cổ Phần Thiết bị Bưu điện được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và 4 Phó tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, là người điều hành hoạt động hàng ngày của POSTEF và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

+ Công ty con: Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là: công ty PDE)

Địa chỉ: số 63 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh nguồn, ắc quy các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 32 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

+ Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình

Địa chỉ: số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 5 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

+ Công ty liên kết: Công ty TNHH Liên doanh Lào – Việt (gọi tắt là: LVCC)

Địa chỉ: xã Khuá Khaukath, huyện Kaysone Phomvihane, tỉnh Xavanakhet, nước CHDCND Lào.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh cáp đồng, cáp điện các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 2.750.000 USD.

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty liên kết: 30%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2019 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, trên cơ sở được sự ủng hộ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019 và các năm tiếp theo trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào một số nội dung sau: tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động của công ty theo hướng tin gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp đồng bộ với công tác cán bộ; đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác quốc tế.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong thời gian tới và các năm tiếp theo, Công ty sẽ giữ ổn định các sản phẩm truyền thống, tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển của ngành trong giai đoạn tới. Xây dựng chiến lược POSTEF4.0 dịch chuyển theo chiến lược VNPT4.0

6. Các rủi ro: có thể có các yếu tố rủi ro từ thị trường, môi trường cạnh tranh và cơ chế chính sách thay đổi.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2018
1	Tổng doanh thu	Đồng	1.645.364.259.623
2	Lợi nhuận sau thuế (bao gồm cả công ty con)	Đồng	32.737.299.494
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	14,22
4	Cổ tức	%	15 15 (trong đó 5% trả bằng tiền và 10% trả bằng cổ phiếu)
5	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	10.876.562
6	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	58.069,4
7	Lao động bình quân	Người	445

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2018 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	THỰC HIỆN NĂM 2018	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Đồng	1.814.000.000.000	1.645.364.259.623	90,70%
2	Lợi nhuận sau thuế (bao gồm cả công ty con)	Đồng	34.820.000.000	32.737.299.494	94,02%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	15,12	14,22	94,05
4	Cổ tức	%	10	15 (trong đó 5% trả bằng tiền và 10% trả bằng cổ phiếu)	150%
5	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.740.000	10.874.426	92,63%

6	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	77.484	58.069,4	74,94%
7	Lao động bình quân	Người	550	445	80,91%
8	Trích quỹ Ban quản lý điều hành công ty (500 triệu đồng nhân (x) tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2018)	Đồng	500.000.000	470.000.000	94,0%
9	Chi trách nhiệm Tổng giám đốc (hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra) (0,5% LN KH (sau thuế) + 1% vượt LN KH (sau thuế))	Đồng	174.640.000	163.000.000	93,33%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Họ và tên: Trần Hải Vân

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22 tháng 4 năm 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011788987
- Quê quán: Nghĩa Trụ - Văn Giang - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 104 Phó Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 02/1993- 2003: Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Marketing, nhân viên phòng ĐTPT, Trưởng phòng KD điện thoại, Công nghệ điện thoại - Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Thường vụ BCH Công đoàn - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 2003 - 2005: Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 4/2009: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE).
 - o Từ 5/2009 - T12/2014: Phó Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 12/2014 đến nay: Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:

Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 45% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF

+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 178.729 cổ phiếu POT

2. Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước: 001061006008
- Quê quán: Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - Đồng Tâm - HBT - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1984 – 1998: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng KTTK, Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK, Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1/1999 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1.
 - o Từ 9/2009 – 4/2015: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/2015 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
 - + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 15% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 20.000 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Lê Xuân Hải

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28 tháng 8 năm 1959
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010410993
- Quê quán: Tô Hiệu - Thường Tín - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số 122 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- o Từ 12/1984 – 6/2005: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Cán bộ Phòng TCLĐTL, Phó và Quyền Trưởng phòng Kinh tế Lao động, Cán bộ phòng Điều độ - Lao động tiền lương, Trưởng Ban quản lý tổng hợp khu vực Thượng Đĩnh, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Cơ sở Thượng Đĩnh, Trưởng chi nhánh khu vực miền Trung, Trưởng cơ sở 2 Thượng Đĩnh - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2.
 - o Từ 9/2009 – 4/2015: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/2015 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 7.300 cổ phiếu POT

4. Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 07 tháng 11 năm 1962
 - Quốc tịch: Việt nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 025598484
 - Quê quán: Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh.
 - Địa chỉ thường trú: Nhà số 8 – D6 – Khu Saigon Pearl – số 92 Nguyễn Hữu Cảnh - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TPHCM.
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 028.38299466
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
 - Lý luận chính trị: Cao cấp
 - Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 02/1985 – 6/2005: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Kế hoạch, Nhân viên phòng KTTK, Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm, Trưởng Chi nhánh miền Nam, Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 9/2009 – 4/2015: Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1999 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Nhà máy Thiết bị Bưu điện và Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 47.394 cổ phiếu POT

5. Họ và tên: Nguyễn Tiến Hùng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 08 năm 1976
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước: 001076015916
- Quê quán: xóm 2, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3, ngõ 89 đường Thanh Lân, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 10/1997 – 12/2002: Nhân viên Ban Nguồn - Ủy viên BCH Đoàn TNCSHCM Nhà máy Thiết bị Bưu;
 - o Từ 01/2003 – 4/2004: Phó quản đốc phân xưởng 7 - Nhà máy Thiết bị Bưu;
 - o Từ 5/2004 – 02/2008: Phó quản đốc phân xưởng, phó chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (công ty con 100% vốn của Postef);
 - o Từ 02/2008 – 3/2008: Quản đốc phân xưởng Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 4/2008 – 4/2009: Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng phòng KH-KD-TH Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 5/2009 – 3/2015: Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 4/2015 – 10/2017: Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE) - Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện;
 - o Từ 10/2017 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy – Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE).
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE).
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
 - + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 15% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 23.391 cổ phiếu POT
 - + Số lượng người lao động và cơ cấu: Tại thời điểm 31/12/2018 tổng số lao động có mặt tại Công ty là 445 người với cơ cấu như sau:

Bảng: Cơ cấu lao động Công ty

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	9	2,02%
Đại học chính quy, ĐH Tại chức	172	38,65%
Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	115	25,84%

Công nhân kỹ thuật	149	33,49%
Tổng số	445	100,00%

+ Chính sách đối với người lao động:

* Chế độ làm việc: Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

* Chính sách đào tạo: Là một Công ty có truyền thống trên 60 năm trong Ngành Bưu điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

* Chính sách tuyển dụng: Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty và tiếp tục tuyển dụng kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật để bổ sung cho nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi: Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2018, công ty vẫn thực hiện tăng trưởng thu nhập bình quân người lao động đạt khoảng 10,87 triệu đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: trong năm 2018, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đã được ĐHCĐ thông qua từ trước. Nguồn vốn cho các dự án được bố trí phù hợp với tình hình thực tế của công ty cũng như thị trường. Các dự án đầu tư của công ty tiếp tục được thực hiện theo đúng tiến độ, kế hoạch đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua, đảm bảo phù hợp với nguồn vốn của công ty và hợp lý trong tình hình thực tế.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của công ty: Không có.

- Công ty có trên 50% vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Công ty TNHH Giải pháp công nghệ nguồn Postef (PDE) (Công ty CP Thiết bị Bưu điện nắm giữ 100% vốn điều lệ) và Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình (Công ty CP Thiết bị Bưu điện nắm giữ 100% vốn điều lệ).

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Công ty CP Thiết bị Bưu điện góp 30% vốn điều lệ tại Công ty có liên quan: Công ty TNHH liên doanh Lào - Việt (LVCC).

Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE) do Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (Postef) sở hữu 100% vốn điều lệ:

- Doan thu thuần BH & CCDV	: 544.249.330.070 đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	: 9.607.885.358 đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	: 2.889.788.015 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 6.718.097.343 đồng

Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình do Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (Postef) sở hữu 100% vốn điều lệ:

- Doan thu thuần BH & CCDV	: 33.376.472.983 đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	: 503.401.173 đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	: 132.051.747 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 371.349.426 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	% tăng giảm
----------	----------------	----------------	-------------

Tổng giá trị tài sản	1.844.261.590.928	2.343.130.702.613	+27%
Doanh thu thuần	1.727.448.232.207	1.645.364.259.623	-4,75%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.227.339.158	45.616.276.665	+8%
Lợi nhuận khác	(2.538.627.965)	(996.304.001)	+154%
Lợi nhuận trước thuế	39.688.711.193	44.619.972.664	+12,4%
Lợi nhuận sau thuế	31.651.289.084	32.737.299.494	+3,4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,48 lần	1,19 lần
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,82	0,86
	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	4,64	6,17
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn (DT thuần/Tài sản ngắn hạn)	1,1	1,43
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản	2,15%	1,9%
	Tỷ suất LNTT/Doanh thu thuần	2,30%	2,71%
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	1,72%	1,4%
	Tỷ suất LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	9,66%	10,03%
	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	16,29%	18,85%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm chốt danh sách ngày 11/01/2019)

a) Cổ đông trong nước:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 19.413.963 cổ phần chiếm 99,92% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 2.335 cổ đông nắm giữ 7.497.338 cổ phần tương đương 38,62% vốn điều lệ.
 - Tổ chức: 26 cổ đông nắm giữ 11.916.625 cổ phần tương đương 61,38% vốn điều lệ.
 - Cổ đông lớn: + Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nắm giữ 9.714.200 cổ phần tương đương 49,996% vốn điều lệ.
 - + Bà Nguyễn Thị Bích Hồng: nắm giữ 1.299.452 cổ phần tương đương 6,69% vốn điều lệ.
 - + Công ty cổ phần Chứng khoán Liên Việt (LVS): nắm giữ 2.200.000 cổ phần tương đương 11,32% vốn điều lệ.
 - + Bà Phạm Thị Thanh Hồng: nắm giữ 2.216.600 cổ phần tương đương 11,41% vốn điều lệ.

b) Cổ đông nước ngoài:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 16.043 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 18 cổ đông nắm giữ 13.843 cổ phần tương đương 0,07% vốn điều lệ.

- Tổ chức: 03 cổ đông nắm giữ 2.200 cổ phần tương đương 0,01% vốn điều lệ.
- Cổ đông lớn: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù tình hình kinh tế trong nước khả quan nhưng còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, nhưng với sự phối hợp, nỗ lực cố gắng của HĐQT, Ban TGD và toàn thể CBCNV, hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty đã mang lại hiệu quả tốt, tạo đà phát triển bền vững cho năm 2019 và các năm tiếp theo:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2018
1	Tổng doanh thu	Đồng	1.645.364.259.623
2	Lợi nhuận sau thuế (bao gồm cả công ty con)	Đồng	32.737.299.494
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	14,22
4	Cổ tức	%	15 (trong đó 5% trả bằng tiền và 10% trả bằng cổ phiếu)
5	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	10.874.426
6	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	58.069,4
7	Lao động bình quân	Người	445

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của công ty trong năm 2018 vừa qua được đánh giá ổn định, vẫn đảm bảo tính thanh khoản, hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán hiệu quả đã góp phần vào kết quả hoạt động chung của công ty trong năm 2018.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bám sát chủ trương tái cơ cấu của Chính phủ, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiến lược VNPT4.0, Công ty cũng đã tiếp tục tiến hành cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế.

Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu bộ máy tổ chức đảm bảo tính gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đổi mới và nâng cao năng lực quản trị. Ngoài ra, Công ty cũng cơ cấu lại lao động gián tiếp và trực tiếp trong các đơn vị trực thuộc cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch trước mắt trong năm 2019 là phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua và phấn đấu cố gắng thực hiện kế hoạch giai đoạn tiếp theo. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019 và các năm tiếp theo trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào một số nội dung sau: tiếp tục cơ cấu lại mô hình hoạt động, nhân sự của công ty và các đơn vị trực thuộc, công ty con, đổi mới và nâng cao năng lực quản trị; đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác quốc tế.

Trong thời gian tới và các năm tiếp theo, Công ty sẽ giữ ổn định các sản phẩm truyền thống, tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm mới, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, phù hợp với

định hướng phát triển của ngành trong giai đoạn tới cũng như các sản phẩm công nghiệp phụ trợ, dân dụng của các ngành kinh tế khác. Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược POSTEF4.0 dịch chuyển theo Chiến lược VNPT4.0, cũng như định hướng phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình của Chính phủ đến năm 2020 và tầm nhìn cho các năm tiếp theo.

Công ty tiếp tục bám sát thực hiện theo quan điểm: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính và kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác, khai thác tiềm năng bất động sản: kinh doanh, cho thuê văn phòng, xây dựng chung cư cao cấp, hoặc chuyển nhượng dự án nhằm đem lại hiệu quả tốt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động....

Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, đề tài KHCN, sản phẩm theo chiến lược đã đề ra, sản xuất kinh doanh các sản phẩm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp phụ trợ và mảng kinh doanh sản phẩm truyền thông, đảm bảo ổn định đời sống và tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động trong công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2018:

- Theo đánh giá chung, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện; năm thứ hai liên tiếp hoàn thành toàn bộ 12 chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có 9 chỉ tiêu vượt. Tăng trưởng GDP đạt 7,08%, mức cao nhất kể từ năm 2008, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra (6,7%); chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét, mô hình tăng trưởng chuyển dần sang chiều sâu, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) và hiệu quả sử dụng vốn tăng. Khu vực nông nghiệp tăng 3,76%, mức cao nhất kể từ năm 2012; lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt hơn 40 tỷ USD. Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 8,85%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng mạnh 12,98%, là động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế. Khu vực dịch vụ tăng 7,03%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,7%. Khách quốc tế đến Việt Nam đạt kỷ lục 15,5 triệu lượt, tăng 19,9%. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát. Tỷ giá, thị trường vàng, ngoại tệ ổn định; dự trữ ngoại hối nhà nước đạt khoảng 60 tỷ USD. Thu ngân sách nhà nước vượt 7,8% so với dự toán và tăng trên 10% so với năm 2017. Bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát ở mức khoảng 3,6% GDP. Nợ công trong giới hạn cho phép. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11,2%, tương đương 33,5% GDP; vốn đầu tư tư nhân tăng 18,5%; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 35,5 tỷ USD, giải ngân đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 482,23 tỷ USD; xuất siêu 7,2 tỷ USD. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, thúc đẩy niềm tin kinh doanh của doanh nghiệp; có trên 131 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và trên 34 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại. Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, lao động, việc làm, an sinh xã hội, tài nguyên, môi trường, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông được quan tâm thực hiện tốt. Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội nước ta còn nhiều hạn chế, bất cập và phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Sức chống chịu của nền kinh tế trước những diễn biến bất thường của tình hình thế giới và khu vực còn hạn chế; tiến độ cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực còn chậm; chưa khai thác hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; môi trường đầu tư kinh doanh còn nhiều bất cập, hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số lĩnh vực còn khó khăn; nhiều bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật chưa được giải quyết triệt để.
- Bên cạnh những thay đổi tích cực từ kinh tế vĩ mô, môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định thì thị trường trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục cạnh tranh ngày càng khốc liệt, chi phí nguyên vật liệu, vật tư đầu vào tăng cao, tác đến không nhỏ

đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và với Công ty nói riêng.

- Trong năm 2018, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty vẫn kiên trì bám sát thực hiện mục tiêu từ đầu nhiệm kỳ: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính và kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác, khai thác tiềm năng, nội lực công ty.
- Trong năm 2018, hàng quý, Hội đồng quản trị công ty đều có những đánh giá sơ kết, phân tích tình hình hoạt động của công ty những mặt tích cực và hạn chế, qua đó đưa ra những giải pháp, nghị quyết phù hợp với từng thời kỳ.
- Trong năm 2018 vừa qua, mặc dù những nguyên nhân, biến động nói trên có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng với sự quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn VNPT và sự cố gắng của toàn thể Ban Lãnh đạo, CBCNV công ty nên năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, có tăng trưởng chi tiêu lợi nhuận sau thuế cao hơn so với năm 2017, phát triển bền vững, tạo đà tăng trưởng hợp lý cho năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Công ty tiếp tục bám sát chủ trương, định hướng chiến lược phát triển của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (chiến lược VNPT4.0), trong năm 2018 Công ty đã cụ thể hóa thực hiện chủ trương, định hướng, cơ cấu theo từng giai đoạn, dự kiến chiến lược phát triển của công ty đến năm 2025 (chiến lược POSTEF4.0), vẫn thường xuyên trao đổi, phối hợp đối với các doanh nghiệp trong nhóm sản xuất cấp thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp.
- Trên cơ sở chỉ đạo, quan tâm sát sao của Tập đoàn VNPT, sự nỗ lực cố gắng của Ban Lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV, tận dụng tốt nguồn nội lực của công ty và những điều kiện thuận lợi từ bên ngoài, đặc biệt là sự ủng hộ, quan tâm và tạo điều kiện của Tập đoàn VNPT, Công ty đã thực hiện một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2018 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	THỰC HIỆN NĂM 2018	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Đồng	1.814.000.000.000	1.645.364.259.623	90,70%
2	Lợi nhuận sau thuế (bao gồm cả công ty con)	Đồng	34.820.000.000	32.737.299.494	94,02%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	15,12	14,22	94,05
4	Cổ tức	%	10	15 (trong đó 5% trả bằng tiền và 10% trả bằng cổ phiếu)	150%

- Tiếp tục triển khai thực hiện một số đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới theo nghị quyết ĐHĐCĐ và đã được Cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt đồng thời nắm bắt thông tin, xem xét, tìm hiểu, đăng ký đề tài KHCN, sản phẩm mới trong năm 2019 theo chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, nghiên cứu phát triển đề tài KHCN: trong năm 2018, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, công ty đã tham gia và trúng các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ của công ty vào hạ tầng của Tập đoàn VNPT và các doanh nghiệp trong ngành, tuy nhiên do tình hình chi phí đầu vào, giá cả thị trường vật tư quốc tế tăng mạnh, ảnh hưởng đến các hợp đồng đã trúng thầu, làm giảm hiệu quả chung. Nhưng với sự nỗ lực cố gắng của Ban Tổng

giám đốc điều hành, CBCNV trong công ty trong thời gian qua đã góp phần vào duy trì tốc độ tăng trưởng về lợi nhuận trong năm 2018 cao hơn so với năm 2017.

- Sau khi đã đăng ký lại vốn đầu tư và các thủ tục pháp lý công ty LVCC tại Lào, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện thủ tục đăng ký lại vốn đầu tư trên giấy chứng nhận đầu tư tại Việt Nam, khôi phục hoạt động đồng thời chủ động tìm kiếm đối tác để có thể chuyển nhượng vốn góp, thực hiện chủ trương thoái vốn tại công ty LVCC.
- Thông qua một số hạn mức tín dụng tại các ngân hàng, đáp ứng nhu cầu tín dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án.
- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang: đã hoàn thiện công tác XDCB nhà máy, đang hoàn thiện công tác chạy thử nghiệm. Công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại lao động tiếp tục được tiến hành đồng thời, phù hợp với tiến độ và nhu cầu công việc của dự án. Tuy nhiên, vấn đề vốn cho dự án đang gặp khó khăn, trong khi phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu chưa thực hiện được, đòi hỏi phải có giải pháp trong ngắn hạn cũng như trong trung và dài hạn đáp ứng vốn cho dự án.
- Tiếp tục phối hợp với các đối tác hợp tác để hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ liên quan đến hồ sơ giao đất, nộp tiền sử dụng đất, thiết kế kỹ thuật, đã có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất và quyết định duyệt giá đất cụ thể, đã nộp xong tiền sử dụng đất, tiến tới xin cấp giấy phép xây dựng, khởi công và chuyển nhượng dự án. Xem xét, điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án tại 63 Nguyễn Huy Tường theo suất đầu tư mới của Bộ Xây dựng để tiến tới sớm hoàn tất các điều kiện chuyển nhượng dự án tại số 63 Nguyễn Huy Tường – Thanh Xuân – Hà Nội theo nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh đã cơ bản hoàn tất, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của các chi nhánh, nhà máy, công ty con tại Tổ hợp. Trên cơ sở nhu cầu thực tế thị trường và của công ty khi mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu cần thiết công ty sẽ đầu tư tiếp các hạng mục công trình trên quỹ đất còn lại trong Tổ hợp.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương thoái vốn tại công ty LVCC, đang tiến hành thủ tục đăng ký lại vốn góp thực tế của VNPT và POSTEF tại LVCC trên Giấy chứng nhận đầu tư do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Việt Nam cấp.
- Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 (quý, bán niên, cả năm) với Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và công bố thông tin theo quy định.

Trong năm 2018, bên cạnh những điều kiện thuận lợi vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn khách quan tiềm ẩn, Ban lãnh đạo công ty đã chủ động đưa ra những giải pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế, cùng với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc, rất đáng ghi nhận của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV trong Công ty, tiếp tục bám sát mục tiêu phát triển bền vững, tạo tiền đề thuận lợi cho năm 2019 và các năm tiếp theo.

Năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 01 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và đã thông qua 22 Biên bản (bao gồm 21 biên bản thông qua tại cuộc họp trực tiếp và 1 biên bản được HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc phân đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD của mình. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tập trung vào một số nội dung sau đây :

- Thông qua lịch tổ chức và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
- Thông qua các hợp đồng tín dụng, hạn mức tín dụng định kỳ năm 2018 với các ngân hàng.
- Sơ kết hoạt động 6 tháng, 9 tháng, quý 4 của năm 2018.
- Thông qua phương án phát hành Trái phiếu không chuyển đổi của công ty.
- Điều chỉnh dự án ĐTXD tại 63 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 và lập kế hoạch kinh doanh năm 2019 nhằm cố gắng phấn đấu đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát trong công việc hàng ngày, định hướng phát triển của Công ty, các phương án đầu tư, báo cáo các công việc liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2018:

Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, có tăng trưởng lợi nhuận so với năm 2017, đạt được kết quả thuận lợi trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó khăn, thách thức, nhưng với sự năng động, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời với tình hình thực tế, Ban Tổng giám đốc công ty đã có nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình thực tế đầy biến động, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, trình HĐQT thông qua và thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp để có thể đạt được kết quả tối đa trong điều kiện thực tế còn rất nhiều khó khăn.

Trong năm 2018 vừa qua, trong công tác quản lý, điều hành, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các nội quy, quy chế của công ty, bộ máy điều hành, giúp việc trong công ty luôn thể hiện tinh thần nỗ lực cố gắng, phối hợp và tham mưu kịp thời, có hiệu quả cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án, tài chính, quản trị công ty, giúp cho hoạt động của công ty vẫn có tăng trưởng ổn định trong tình hình thực tế biến động, tạo được công ăn việc làm và tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo hài hòa quyền lợi của Nhà nước, cổ đông và doanh nghiệp.

3. Định hướng hoạt động năm 2019:

Năm 2019, dự báo tình hình kinh tế thế giới có nhiều khó khăn tiềm ẩn, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn đã làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng toàn cầu qua đó ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Hiệp định CPTPP vẫn chưa được toàn bộ các nước tham gia phê chuẩn nên việc tác động tích cực của Hiệp định này trong năm 2019 đối với Việt Nam là không lớn, bên cạnh đó những khó khăn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ về tài chính, tín dụng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào dự báo sẽ có nhiều biến động tiêu cực.

Tuy nhiên, năm 2019 Chính phủ tiếp tục quyết liệt đẩy mạnh việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, nhiều chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 dự kiến sẽ được ban hành với mục tiêu tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển đồng thời cũng có nhiều tín hiệu tích cực từ thị trường và môi trường kinh doanh.

Bám sát định hướng phát triển Chiến lược VNPT4.0 của Tập đoàn VNPT, sự định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình và tầm nhìn cho hàng chục năm tiếp theo.

Công ty tiếp tục bám sát thực hiện theo quan điểm: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính và kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác.

Năm 2019 cũng là năm cuối cùng của nhiệm kỳ 2015 – 2019 công ty thực hiện định hướng phát triển giai đoạn mới, tiếp tục hoàn thiện quá trình tái cơ cấu, đẩy mạnh việc thay đổi công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển trong năm và các năm tiếp theo, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị tại Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh, tất cả những khó khăn và những thay đổi đó sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Trong bối cảnh này, Hội đồng quản trị xác định định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2019 như sau:

- Xây dựng và trình Tập đoàn VNPT phê duyệt chiến lược phát triển POSTEF4.0 cho giai đoạn hiện nay đến năm 2025 trên cơ sở chiến lược phát triển của Tập Đoàn VNPT4.0;
- Xây dựng và triển khai các hệ thống quản trị nội bộ, quản trị vận hành sản xuất và quản lý trong sản xuất kinh doanh;
- Tham gia vào các chương trình đào tạo xây dựng nhà máy thông minh và chuẩn bị cho lộ trình phát triển nhà máy thông minh của Công ty; Hoàn thiện xây dựng nền tảng nhà máy thông minh (SMART FACTORY) và thực hiện triển khai xây dựng ở mức trung bình thấp trong lộ trình phát triển nhà máy thông minh;
- Áp dụng các biện pháp quản trị thông qua áp dụng BSC/KPI tại các đơn vị, phát huy và hoàn thiện các qui trình tiêu chuẩn áp dụng như ISO 9001, ISO 14001;

- Sắp xếp lại các qui trình quản lý để trở thành đơn vị được trọn là đơn vị sản xuất đủ tiêu chuẩn tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm phụ kiện cho sản xuất công nghiệp;
- Với vai trò là đơn vị thành viên của VNPT, Công ty xác định gắn trách nhiệm vào chuỗi giá trị chung của Tập Đoàn và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và sứ mệnh Tập Đoàn giao;
- Tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm mới như anten 4G đẩy nhanh nghiên cứu giải pháp anten 5G; Nghiên cứu phát triển các sản phẩm accu Lithium trong việc tăng tỷ lệ nội địa hóa cho sản phẩm và các giải pháp cho năng lượng tái tạo ứng dụng vào thực tế; Các giải pháp cho small cell và thiết bị, tủ outdoor; Thực hiện nghiên cứu giải pháp sản xuất phối dùng cho sản xuất sợi quang để có thể tự cung cấp theo dây chuyền khép kín nâng cao tính cạnh tranh với các nhà cung cấp khác trong khu vực, cũng như đáp ứng nhu cầu trong nước bằng các sản phẩm mang thương hiệu Việt; Hoàn thiện các phòng LAB cho việc đo kiểm, giám sát chất lượng các sản phẩm do Công ty sản xuất ra nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng theo các tiêu chuẩn Quốc tế, cũng như cung cấp các dịch vụ đo kiểm cho các đơn vị trong nước;
- Bên cạnh việc duy trì các sản phẩm mũi nhọn cần tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường; Tăng cường công tác nghiên cứu cho các sản phẩm cung cấp cho các ứng dụng công nghệ 4.0 phù hợp với nhu cầu và xu hướng hội nhập;
- Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm cung ứng, tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo cam kết chi trả cổ tức cho cổ đông cũng như đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty;
- Hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro, công nợ tại đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm thiểu các rủi ro tài chính; Hoàn thiện công tác, giải pháp tăng vốn cho hoạt động SXKD của Công ty; Giảm chi phí tài chính rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn;
- Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp thiết bị lớn, tên tuổi để cung cấp cho các nhà mạng trong nước; Tiếp tục tham gia vào cung ứng các linh phụ kiện xuất khẩu và sản xuất trong nước cho một số Tập Đoàn của Hàn Quốc & Nhật Bản, Đức; Phát triển hệ thống kinh doanh sản phẩm sang một số thị trường Quốc tế trong khu vực như Myanmar, Lào, Indonesia, CHLB Đức, Châu Âu và Nam Mỹ;
- Tập trung thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh theo Phương án cơ cấu chung của Tập đoàn VNPT; Tập trung, đẩy mạnh các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại các bộ phận, vị trí;
- Thúc đẩy các phương pháp, chính sách thu hút tài năng để tạo động lực thu hút nhân tài công hiến cho sự phát nghiệp phát triển của Công ty nói riêng và Tập đoàn VNPT nói chung;
- Đưa Nhà máy sản xuất sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang đi vào sản xuất chính thức và thương mại sản phẩm ra thị trường trong nước, khu vực và thế giới.
- Hoàn thiện quá trình đầu tư xây dựng nhà xưởng tại VSIP Bắc Ninh, hoàn thiện thủ tục giai đoạn chuẩn bị đầu tư để có thể khởi công xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng công trình đa chức năng tại số 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội. Đồng thời để tăng tính hiệu quả chung, phù hợp với nguồn lực con người, tài chính,... của công ty, đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong giai đoạn phát triển mới, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý để chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội đã được ĐHCĐ thông qua, theo đúng định hướng phát triển của công ty trong giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục bám sát, làm việc với UBND tỉnh Bắc Ninh để có phương án khả thi, phù hợp với quy hoạch của tỉnh Bắc Ninh, phù hợp với nhu cầu của công ty đối với chủ trương di dời cơ sở sản xuất Nhà máy 3 tại địa chỉ: Đường 270 - Thị trấn Lim - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh do công ty đang quản lý và sử dụng, nhằm cố gắng mang lại hiệu quả thiết thực, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển chung của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, đề tài KHCN, sản phẩm theo chiến lược đã đề ra, sản xuất kinh doanh các sản phẩm trong lĩnh vực bu chính, viễn thông, công nghiệp

phụ trợ và mảng kinh doanh sản phẩm truyền thống, đảm bảo ổn định đời sống và tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động trong công ty.

Năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hoạt động có hiệu quả trong việc định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường công tác quản trị, phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với Ban kiểm soát, hỗ trợ sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc nhằm đảm bảo tính an toàn và hợp lý.

Các dự án, đề tài nghiên cứu phát triển sẽ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cũng như căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường, của ngành và nền kinh tế nhằm đảm bảo hiệu quả và phù hợp với nguồn vốn của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị: 07 thành viên

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1. Họ và tên: Trần Hải Vân

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22 tháng 4 năm 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011788987
- Quê quán: Nghĩa Trụ - Văn Giang - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 104 Phó Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 02/1993- 2003: Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Marketing, nhân viên phòng ĐTPT, Trưởng phòng KD điện thoại, Công nghệ điện thoại - Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Thường vụ BCH Công đoàn - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 2003 - 2005: Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 4/2009: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE).
 - o Từ 5/2009 - T12/2014: Phó Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 12/2014 đến nay: Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 45% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 178.729 cổ phiếu POT

2. Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước: 001061006008
- Quê quán: Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - Đồng Tâm - HBT - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- o Từ 1984 – 1998: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng KTTK, Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK, Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- o Từ 1/1999 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1.
- o Từ 9/2009 – 4/2015: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- o Từ 4/2015 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
 - + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 15% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 20.000 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Vũ Duy Dự

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02 tháng 07 năm 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
 - + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 25% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: Không có

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hồng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 29 tháng 04 năm 1963
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 023456166
- Quê quán: Hải Phòng

- Địa chỉ thường trú: Số 219/20 Phạm Ngũ Lão – phường Phạm Ngũ Lão – Quận 1 - TPHCM.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- o Từ 2/1985 – 6/2013: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Kế toán Tổng hợp tại Xí nghiệp Giày dép số 1 – Sở Công nghiệp – Thành phố Hải Phòng, Cán bộ Thanh tra tại Ủy ban Vật giá Thành phố Hải Phòng, Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng Công ty Cung ứng dịch vụ hàng hải phía Nam (sau đổi tên thành Công ty Hàng Hải Sài Gòn), Phó giám đốc khối Giao dịch – Môi giới tại Công ty cổ phần Chứng khoán Âu Việt, Trưởng khối – Phó giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
- o Từ 6/2013 – 4/2015: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
- o Từ 4/2015 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Liên Việt.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 1.299.452 cổ phiếu POT

5. Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07 tháng 11 năm 1962
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 025598484
- Quê quán: Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 8 – D6 – Khu Saigon Pearl – số 92 Nguyễn Hữu Cảnh - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 028.38299466
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- o Từ 02/1985 – 6/2005: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Kế hoạch, Nhân viên phòng KTTK, Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm, Trưởng Chi nhánh miền Nam, Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM
- o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- o Từ 9/2009 – 4/2015: Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- o Từ 4/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- o Từ 1999 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Nhà máy Thiết bị Bưu điện và Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 47.394 cổ phiếu POT

6. Họ và tên: Lê Huy Đồng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/ 12/ 1964
- Nơi sinh: Quảng Xương - Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 012834870
- Quê quán: Quảng Xương - Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: số 105 ngõ 165, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại, liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1987 – 6/2005: các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Công tác tại Liên đoàn Lao động Hà Tây (nay là Hà Nội) - Bí thư Đoàn Thanh niên, Sinh viên Trường Đại học Công đoàn Việt Nam, Chuyên trách công tác Đảng - Thường trực Hội đồng Thi đua - Chuyên viên Văn phòng Công đoàn - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 – 6/2008: Ủy viên BCH Đảng ủy - Chuyên trách công tác Đảng - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Chuyên viên Văn phòng Công đoàn - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2008 – 4/2010: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 5/2010 – 4/2015: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/2015 đến nay: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 4.393 cổ phiếu POT.

7. Họ và tên: Nguyễn Tiến Hùng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 08 năm 1976
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước: 001076015916
- Quê quán: xóm 2, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3, ngõ 89 đường Thanh Lân, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.38455946

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 10/1997 – 12/2002: Nhân viên Ban Nguồn - Ủy viên BCH Đoàn TNCSHCM Nhà máy Thiết bị Bưu;
 - o Từ 01/2003 – 4/2004: Phó quản đốc phân xưởng 7 - Nhà máy Thiết bị Bưu;
 - o Từ 5/2004 – 02/2008: Phó quản đốc phân xưởng, phó chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (công ty con 100% vốn của Postef);
 - o Từ 02/2008 – 3/2008: Quản đốc phân xưởng Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 4/2008 – 4/2009: Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng phòng KH-KD-TH Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 5/2009 – 3/2015: Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE);
 - o Từ 4/2015 – 10/2017: Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE) - Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện;
 - o Từ 10/2017 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy – Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE).
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (PDE).
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại:
 - + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: tỷ lệ 15% phần vốn góp của VNPT tại POSTEF
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 23.391 cổ phiếu POT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 01 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và đã thông qua 22 Biên bản (bao gồm 21 biên bản thông qua tại cuộc họp trực tiếp và 1 biên bản được HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD của mình. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tập trung vào một số nội dung sau đây :

- Thông qua lịch tổ chức và các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2018.
- Thông qua các hợp đồng tín dụng, hạn mức tín dụng định kỳ năm 2018 với các ngân hàng.
- Sơ kết hoạt động 6 tháng, 9 tháng, quý 4 của năm 2018.
- Thông qua phương án phát hành Trái phiếu không chuyển đổi của công ty.
- Điều chỉnh dự án ĐTXD tại 63 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 và lập kế hoạch kinh doanh năm 2019 nhằm cố gắng phấn đấu đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.
- Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát trong công việc hàng ngày, định hướng phát triển của Công ty, các phương án đầu tư, báo cáo các công việc liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, phối hợp với các thành viên HĐQT, Ban TGD trong các hoạt động chung của công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Các thành viên HĐQT đều đã trải qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công ty trước đây. Trong năm 2018, không có thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát: 03 thành viên

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1. Họ và tên: Ma Thị Nghiệm

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1970
- Nơi sinh: Ba Bể- Bắc Cạn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Tày
- Số CMND: 012313075
- Quê quán: Tiểu khu 9 thị trấn Ba bể - Bắc cạn
- Địa chỉ thường trú: P 213-A11 Khu tập thể Nghĩa Tân - Phường Nghĩa Tân Quận Cầu Giấy – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 3/1994 – 6/2005: các chức vụ đảm nhận qua các thời kỳ: Chuyên viên Kế toán tổng hợp tại cơ sở 2, Chuyên viên Kế toán phòng Kế toán thống kê nhà máy Thiết bị Bưu điện. Được kết nạp vào Đảng CS Việt nam.
 - o Từ 7/2005 4/2015: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát – Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 14.594 cổ phiếu POT.

2. Họ và tên: Hoàng thị Phương Lan

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011715520
- Quê quán: Thị xã Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ M1A - Tầng 10 - Chung cư A1 - Dự án 54 Hạ Đình - Số 2A - Ngõ 85, phố Hạ Đình - phường Hạ Đình - quận Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 6/1997 – 6/2005: các chức vụ đảm nhận qua các thời kỳ: Chuyên viên Phòng ĐTPT, Phó Trưởng Phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 – 4/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Phó Trưởng Phòng KHĐT - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 5/2009 – 4/2010: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Trưởng Phòng KHĐT- Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 5/2010 – 4/2015: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Phòng KHĐTXNK - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Phòng KHĐTXNK - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát – Phó giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện – Nhà máy 2
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: 803 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Vũ Hoàng Công

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1984
- Nơi sinh: Nghĩa Đồng – Nghĩa Hưng – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013129688
- Quê quán: Nghĩa Đồng – Nghĩa Hưng – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 11/88/177 Định Công – Hoàng Mai - Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán – Thạc sỹ Kinh tế - Kiểm toán viên (CPA).
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 08/2006 đến 8/2011: Chủ nhiệm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C);
 - + Từ 8/2011 đến nay: Chuyên viên Ban Kế toán - Tài chính Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện – Chuyên viên Ban Kế toán – Tài chính Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ hiện tại: không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

I- Báo cáo Hoạt động của BKS năm 2018:

1. Trong năm 2018 BKS thực hiện công việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (sxkd) tại công ty như sau:

- 1.1 Quý 1 năm 2018 BKS thực hiện giám sát, kiểm tra trực tiếp kết quả hoạt động sxkd năm 2017 tại công ty và các đơn vị trực thuộc công ty. Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý công ty của HĐQT, Ban TGD

trước khi báo cáo trước Đại hội cổ đông năm 2018. Trên cơ sở kết quả thẩm định các Báo cáo nêu trên, BKS lập Báo cáo của BKS để báo cáo Đại hội cổ đông năm 2018.

1.2 Trong năm 2018 BKS tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát tại công ty và các đơn vị nội bộ có hoạt động sxkd được xác nhận bằng các biên bản làm việc của BKS. Các biên bản làm việc cụ thể tại từng đơn vị của BKS được lưu giữ đầy đủ và được các đơn vị nội bộ trong công ty được ký xác nhận đầy đủ đúng với chương trình nội dung thực hiện kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

2, Các Báo cáo quản trị nội bộ của BKS được lập trong năm 2018:

- Báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động sxkd năm 2018 tại công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện số 02/2018/BKS ngày 05/9/2018 đã gửi Hội đồng Quản trị công ty
- Báo cáo kiểm tra, giám sát tại Công ty TNHH một thành viên Giải pháp Công nghệ nguồn POSTEF (PDE) số /BC- KSV ngày 22/8/2018 đã gửi HĐQT công ty Postef và HĐQT công ty PDE; Tổng Giám đốc Postef và Giám đốc công ty PDE..
- Đối với Công ty TNHH một thành viên Postef Ba Đình và Công ty TNHH liên doanh Cấp đồng Lào Việt, BKS thực hiện việc giám sát thông qua người đại diện vốn của Postef tại Công ty TNHH một thành viên Postef Ba Đình và Công ty TNHH liên doanh Cấp đồng Lào Việt theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của công ty.

3, Các Biên bản họp và làm việc của BKS công ty đã thực hiện trong năm 2018:

- Biên bản họp BKS số 100/2018/BB-BKS ngày 02/3/2018 Họp thông qua bản Báo cáo của BKS năm 2017 trước khi báo cáo Đại hội cổ đông năm 2018.
- Biên bản họp BKS số 565C/2018/BB-BKS ngày 14/12/2018 Họp đánh giá công tác đã thực hiện của BKS năm 2018; Thống nhất các nội dung trong Báo cáo dự kiến của BKS năm 2018; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019 kể từ ngày 01/8/2018 có 01 thành viên BKS từ nhiệm và thông qua kế hoạch thực hiện kiểm tra giám sát quản lý và điều hành hoạt động sxkd năm 2018 sau khi kết thúc năm.

Các cuộc họp BKS được các thành viên BKS tham dự họp 100%. Các Biên bản làm việc của BKS được các TV BKS tham gia họp và ký tên đầy đủ theo đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của BKS các Thành viên BKS tuân thủ đúng các quy định của luật pháp hiện hành.

4, Nhân sự BKS:

Bà Hoàng thị Phương Lan thành viên BKS nhiệm kỳ 2015-2019 có đơn xin từ nhiệm thành viên BKS và xin phép nghỉ công tác dài hạn tại BKS từ 01/8/2018 do sức khỏe cá nhân nên không tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ của TV BKS.

BKS đã biết và đã sắp xếp phân công công việc của Ban cho 2 thành viên BKS hiện tại thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát cho đến khi Đại hội cổ đông năm 2019 bầu được thành viên BKS mới bổ sung.

Ban Kiểm soát công ty đã họp và thống nhất từ ngày 01/8/2018 các biên bản làm việc của BKS công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện có 02 thành viên BKS ký và thực hiện.

II- Báo cáo kiểm tra, giám sát trong quản lý, điều hành kết quả sxkd năm 2018; thẩm định các Báo cáo của HĐQT, BTGD công ty trình Đại hội cổ đông năm 2019:

1- Báo cáo kiểm tra, giám sát trong quản lý, điều hành kết quả sxkd năm 2018

Kết quả năm 2018 đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu (Báo cáo hợp nhất)	Đvt	KH 2018	TH 2018	TH 2017	Tỷ lệ (%) TH/KH	Tỷ lệ % tăng (giảm) 2018/2017
1	Nguồn vốn (NV)			2,343.13	1,844.26		27.05
	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	Tỷ		230.36	230.34		
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			40.21	34.65		
	Nguồn vốn khác			55.78	57.56		
	Nợ phải trả	Tỷ		2,016.78	1,521.71		32.53
2	Tài sản (TS)	Tỷ		2,343.13	1,844.26		27.05
3	Tổng Doanh thu	Tỷ		1,654.63	1,731.84		(4.46)

3.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTT)		1,814.00	1,645.36	1,727.44	90.70	(4.75)
3.2	Doanh thu hoạt động tài chính			2.37	3.63		
3.3	Thu nhập khác			6.90	0.77		
4	Lợi nhuận:						
4.1	Lợi nhuận từ SXKD(LNsxkd)	Tỷ		45.61	42.22		8.03
4.3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tỷ	43.66	44.62	39.68	102.20	12.45
4.4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tỷ	34.82	32.74	28.60	94.02	14.47
5	Chi phí						
5.1	Chi phí giá vốn (GV)	Tỷ		1,447.13	1,501.17		(3.60)
	Chi phí giá vốn đã loại trừ ah DPTK	Tỷ		1,449.30	1,500.54		(3.41)
5.2	Chi phí bán hàng(CPBH)	Tỷ		48.60	91.94		
	Chi phí bán hàng đã loại trừ ah cpdp	Tỷ		60.84	73.69		(17.44)
5.3	Chi phí quản lý(CPQL)	Tỷ		70.65	71.30		(0.91)
5.4	Chi phí tài chính(CPTC)	Tỷ		35.72	23.88		49.58
5.5	Chi phí khác (CP#)	Tỷ		7.89	3.31		138.37
6	Nhóm tỷ suất						
6.1	Tỷ suất LNTT/NV (TS)			1.9	2.2		(0.2)
6.2	Tỷ suất LNsxkd/DTT	%		2.8	2.4		0.3
6.3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	15.12	14.22	12.42	94.06	1.8
6.5	Tỷ suất GV/DTT	%		88.08	86.86		1.2
6.6	Tỷ suất CPBH/DTT	%		3.70	4.27		(0.6)
6.7	Tỷ suất CPQL/DTT	%		4.29	4.13		0.2
6.8	Tỷ suất CPTC/DTT	%		2.17	1.38		0.8
7	Hệ số thanh toán nhanh	lần		0.88	1.25		(0.4)
	Hệ số thanh toán lãi vay	lần		1.25	1.66		(0.4)
8	cổ tức	%	10	15	10	150	50.00
9	Quỹ Thù lao HĐQT, BKS năm 2018	triệu	680.68	639.96	680.68	(40.72)	(40.72)
10	Quỹ lương CBCNV	Tỷ	77.48	58.07	55.63	(19.41)	2.44
11	Thu nhập bq (Triệu / người)	triệu	11.74	10.87	10.88	(0.87)	(0.01)
12	Lao động bình quân	người	550	445	426	(105.00)	19.00

Ghi chú: 1- VCSH: Vốn chủ sở hữu = vốn góp + quỹ đầu tư phát triển

7- Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn

Hệ số thanh toán lãi vay= LNTT/lãi vay phải trả

9- Thù lao HĐQT, BKS năm 2018: 680,68 * 94,02% = 639,96 triệu đồng

1.1 Thực hiện so với một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

Qua giám sát BKS thấy rằng HĐQT, BTGD công ty rất nỗ lực quyết tâm thực hiện nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao. Kết quả sxkd năm 2018 của công ty mặc dù đã cố gắng nhưng không đạt được kế hoạch năm 2018 được giao.

- Doanh thu năm 2018 đạt được 90,7%
- Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2018 là 44,62 tỷ đạt 102,2% hoàn thành vượt kế hoạch được đại hội cổ đông giao 2,2%.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 32,74 tỷ đạt 94,02% kế hoạch được đại hội cổ đông giao.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2018 là 14,22% đạt được 94,06% so với kế hoạch
- Cổ tức thực hiện năm 2018 là 15% cao hơn kế hoạch được giao 50%

1.2 Các chỉ số hoạt động sxkd thực hiện của năm 2018 so với thực hiện năm 2017

Nguồn vốn và tài sản của công ty từ 1.844,26 tỷ tăng lên 2.343,13 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 27,05%.

1.2.1 Hoạt động đầu tư năm 2018:

- Nguồn vốn tăng chủ yếu là từ nguồn tiền của đối tác triển khai dự án Đầu tư xây dựng Công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà nội và vốn vay ngân hàng.
- Tài sản thuộc nhóm các dự án đầu tư, tăng chủ yếu ở mục tài sản dở dang dài hạn. Tổng giá trị tài sản đầu tư ở mục tài sản dở dang là 1.006,5 tỷ đồng. Riêng trong năm 2018 công ty đầu tư 911,02 tỷ đồng. Các mục tài sản đang trong giai đoạn đầu tư gồm:
+ Dự án Công trình Đa chức năng POSTEF tại số 61 trần Phú, Ba Đình, Hà nội: Ký quỹ tại Sở KHĐT thành phố Hà nội tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long, di dời giải phóng mặt bằng và nộp tiền thuê đất 50 năm cho nhà nước tại Chi cục thuế quận Ba Đình, Hà nội để đảm bảo thực hiện dự án Công trình Đa chức năng POSTEF tại số 61 trần Phú, Ba Đình, Hà nội : 719,79 tỷ đồng
+ Dự án đầu tư nhà máy sản xuất sợi thủy tinh dung cho thông tin quang và các hạng mục khác giá trị trên 300 tỷ đồng

1.2.2 Tài sản ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2018 được phân bổ theo một số các mục cơ bản sau:

- + Phải thu của khách hàng 674 tỷ
- + Hàng tồn kho 318 tỷ
- + Thuế GTGT được khấu trừ 43,9 tỷ

1.2.3 Biến động các chỉ số tài chính năm 2018 so với năm 2017:

- Doanh thu bán hàng năm 2018 giảm 4,75% và Tài sản năm 2018 tăng 27,05% là do năm 2018 công ty tập trung nguồn lực cho các dự án đầu tư lớn đang trong giai đoạn đầu tư nên các dự án này chưa tạo ra doanh thu tương ứng cùng thời điểm tăng tài sản. Tuy nhiên doanh thu từ quả hoạt động sxkd năm 2018 đạt được của công ty thấp hơn năm 2017.
- Nhóm Lợi nhuận đạt được năm 2018 so với năm 2017:
+ Lợi nhuận từ sxkd chính đạt được 45,61 tỷ tăng 8,03% tương ứng với tỷ suất LNSxkd/DTT đạt 2,8% tăng 0,3% so với năm 2017. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận sxkd trên doanh thu đã tăng nhưng chỉ số đạt được vẫn ở ngưỡng thấp.
+ Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt là 44,62 tỷ tăng 12,45 %
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 32,74 tỷ tăng 14,47% tương ứng với tỷ suất LNST/VCSH đạt 14,22% tăng 1,8% so với năm 2017.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2018 của công ty là 0,88 lần, so với năm 2017 hệ số này giảm 0,4 lần. Với hệ số này công ty sẽ gặp nhiều khó khăn đối với các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả, các khoản trả gốc dài hạn đến kỳ thanh toán và lãi suất phải trả cho các khoản vay phải trả hàng tháng.
- Hệ số khả năng thanh toán lãi vay năm 2018 là 1,25 lần, thấy rằng công ty đã sử dụng vốn vay vào sxkd rất hiệu quả. Các khoản vốn vay cho hoạt động sxkd đã tạo ra khoản lợi nhuận đủ lớn để trang trải toàn bộ chi phí lãi vay phải trả và đem lại khoản lợi nhuận cho công ty.

1.3 Công tác quản lý và kiểm soát chi phí năm 2018 so với năm 2017

- Chi phí giá vốn năm 2018 biến động giảm do doanh thu bán hàng giảm, tốc độ giảm giá vốn chưa phù hợp với tốc độ giảm doanh thu. Vì chi phí giá vốn giảm 3,41% còn Doanh thu bán hàng giảm 4,73%. Chính vì vậy đã làm cho tỷ suất chi phí giá vốn / doanh thu năm 2018 đã tăng 1,2% so với năm 2017, đồng thời giảm lợi nhuận gộp của công ty tương ứng 1,2%
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý năm 2018 giảm lần lượt 17,44% và 0,91% so với năm 2017 phù hợp với tốc độ giảm doanh thu bán hàng và hoạt động sxkd của công ty.
- Chi phí lãi vay năm 2018 là 35,72 tỷ tăng 49,59% so với năm 2017 phù hợp với thực tế sử dụng vốn vay cho hoạt động sxkd của công ty.

- Chi phí khác, thu nhập khác phát sinh năm 2018 chủ yếu là do khoản tiền phạt do hợp đồng do chậm tiến độ theo cam kết.
- 2- **Báo cáo kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD điều hành năm 2018:**
 - Hội đồng quản trị công ty tuân thủ đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Cách thức lãnh đạo, quản lý và điều hành công ty bằng các Nghị quyết được biểu quyết tại phiên họp định kỳ hàng quý hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản. Các Nghị quyết HĐQT ban hành đúng quy định, nội dung của các Nghị quyết phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông và chức năng và quyền hạn của HĐQT quy định.
 - Hàng năm HĐQT phê duyệt Báo cáo tài chính, phê duyệt hạn mức tín dụng ngân hàng. Quản trị tốt nguồn vốn của các cổ đông, bảo toàn được vốn và phát triển vốn, trả cổ tức đúng kế hoạch và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Người lao động có việc làm ổn định, thu nhập bình quân tăng dần qua các năm, cuộc sống người lao động được cải thiện.
 - Về cơ cấu tổ chức công ty HĐQT, BTGD điều hành công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu bộ phận trong công ty và các đơn vị sản xuất. Kien toàn hệ thống kiểm soát nội bộ toàn công ty, nhằm thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu trong quá trình quản lý, điều hành sxkd đảm bảo sự kết nối giữa các bộ phận tự kiểm tra giám sát trong hệ thống.
 - Năm 2018 công ty được bổ sung thêm đại diện vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nâng số lượng người đại diện phần vốn của VNPT tại công ty Postef lên 4 người. Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện trở thành công ty con của Tập đoàn VNPT với tỷ lệ biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị tại Postef 4/7 thành viên HĐQT, tương ứng với tỷ lệ 57,14%.

3- **Thẩm định Báo cáo Tài chính kế toán năm 2018**

Báo cáo tài chính do Tổng Giám đốc công ty trình bày trước Đại hội cổ đông hôm nay phù hợp với tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2018 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty đã mở đủ hệ thống sổ sách kế toán đúng quy định từ Công ty đến các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, hợp lý, đúng thời gian yêu cầu. Việc hạch toán, ghi chép trên các hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, tuân thủ đúng qui định của chế độ luật pháp quy định.

Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC) thực hiện kiểm toán độc lập. Chúng tôi đánh giá rằng các số liệu trên Báo cáo Tài chính đã kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty kết thúc tại thời điểm 31/12/2018, cũng như Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4- **Kết quả SXKD tại Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE) đã được kiểm toán, do công ty TNHH Kiểm toán quốc tế PNT thực hiện**

- Vốn chủ sở hữu: 32 tỷ (100% vốn đầu tư của POSTEF)
- Tài sản
 - Năm 2018 : 391,19 tỷ đồng
 - Năm 2017: 490,16 tỷ đồng
- Doanh thu bán hàng ccdv:
 - Năm 2018 : 544,24 tỷ đồng
 - Năm 2017: 638,46 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo báo cáo: 6,71 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đã loại trừ do ah của chi phí DP:
 $6,71 - (1,45 + 0,052) = 5,2$ tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo báo cáo: 9,33 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đã loại trừ do ah của chi phí DP:
 $9,33 + (5,33 + 4,23) = 18,89$ tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu
Năm 2018: $5,2/32 = 16,25$ %

Năm 2017: $18,89/32 = 59,03\%$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu

Năm 2018: $5,2/544,24 = 0,955\%$

Năm 2017: $18,89/638,46 = 2,95\%$

III- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2018 công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động sxkd của công ty được HĐQT, Ban TGD điều hành và Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp thực hiện. Tất cả đều làm việc trên tinh thần nghiêm túc, chặt chẽ, thường xuyên lắng nghe, trao đổi, thảo luận những vướng mắc tồn tại, khắc phục những mặt yếu kém, phát huy mạnh những thành tích trong sản xuất và kinh doanh.

Năm 2018 BKS không nhận được yêu cầu, khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động kinh doanh của công ty.

IV- Nhận xét, đánh giá và kiến nghị của Ban Kiểm soát:

1- Một lần nữa chúng tôi khẳng định rằng tất cả các số liệu, nội dung của các Báo cáo mà HĐQT, BGD đã báo cáo với Đại hội cổ đông năm 2019 phù hợp với hoạt động thực tế của công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy chế quản trị nội bộ.

2- Một số vấn đề cần chú trọng trong quản trị năm 2019:

2.1 Tính thanh khoản trong năm 2019: Nguồn vốn sxkd của công ty chủ yếu là vốn vay. Trong khi phương án tăng vốn hoặc phát hành trái phiếu công ty chưa thực hiện được và công ty tiếp tục vay. Tại thời điểm xem xét nguồn vốn này vẫn đang đem lại hiệu quả cho công ty, đồng thời áp lực về tính thanh khoản của công ty đối với các khoản công nợ là hiện hữu. Để tiếp tục duy trì tính ổn định trong vận hành sxkd của công ty trong năm nay, Ban điều hành công ty cần có các giải pháp cụ thể trong điều hành tạo ra được dòng tiền cân đối trong hoạt động sxkd.

2.2 Quản trị hàng tồn kho và công nợ phải thu: Hàng tồn kho thời điểm 31/12/2018 tồn 318 tỷ đồng (theo giá gốc), công nợ phải thu ngắn hạn là 674 tỷ đồng. Lượng tài sản của công ty ở dạng hàng tồn kho tăng cao so với đầu năm và số tiền khách nợ cao đã làm chậm tốc độ quay vòng vốn ảnh hưởng đến dòng tiền của công ty. Các tài sản này Ban điều hành cần xem xét cụ thể tại từng đơn vị để có giải pháp tác động thúc thu tiền từ các khoản công nợ, điều tiết giữa các kho trong các nhà máy nội bộ để ở mức dự trữ hợp lý, đẩy nhanh tốc độ quay vòng của tài sản.

2.3 Đẩy nhanh tiến độ nhà máy sx sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang đi vào hoạt động. Kết thúc giai đoạn đầu tư tăng TSCĐ để tiến hành trích khấu hao theo quy định.

2.4 Đề nghị Đại hội cổ đông bầu thêm 01 thành viên BKS để bổ sung thêm năng lực làm việc cho BKS và đúng với quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

2.5 Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quản lý và điều hành sxkd trong năm 2019 nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông năm 2019.

3- Các vấn đề khác:

- Công ty cần chú trọng và có giải pháp để nâng tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu cung cấp dịch vụ cao hơn tỷ suất hiện nay là 2,7%

- Cần khắc phục trong quản lý và điều hành sxkd của công ty là kiểm soát được các chỉ số tài chính về tốc độ tăng(giảm) của các chỉ tiêu chi phí có biến động phải phù hợp với tốc độ tăng(giảm) của chỉ tiêu doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ.

V: Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2019:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Điều lệ công ty và các Quy chế quản trị nội bộ trong việc quản trị và điều hành trong hệ thống thuộc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.

2. Kiểm tra, giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, tham gia ý kiến, tư vấn cho HĐQT, BGD điều chỉnh trong việc hoàn thiện sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô phát triển của công ty.

3. Kiểm tra, giám sát được các hoạt động sxkd trọng tâm của công ty. Tiến hành các đợt kiểm tra tại công ty theo định kỳ.

4. Thẩm định các Báo cáo của Công ty trước khi đệ trình lên Đại hội cổ đông hàng năm.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các quy định của công ty.
6. Mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông hàng năm. Mọi hoạt động sxkd của công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các quy chế của công ty. Vốn cổ đông được bảo toàn và phát triển, cổ tức chia cho cổ đông hoàn thành theo kế hoạch được giao.

3. Các giao dịch, thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao, phụ cấp theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

Bảng tổng hợp thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS năm 2018:

TT	Đơn vị	Số lượng người	Tổng thực chi năm 2018
1	Hội đồng quản trị	7	478.319.500
2	Ban kiểm soát	3	161.519.700
	Tổng cộng		639.839.200

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Hòa	Kế toán trưởng	5.052	0,026%	16.962	0,087%	Mua cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và điều lệ công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện được lập ngày 31 tháng 01 năm 2019 từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và

chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

37
HÀ
T B
IẾ
P

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Điều chỉnh lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.151.113.027.016	1.563.270.828.012
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	130.939.792.814	164.582.006.512
111	1. Tiền		93.197.792.814	98.122.006.512
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.742.000.000	66.460.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	60.200.000	72.900.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		72.900.000	72.900.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.700.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		674.438.184.899	1.146.217.110.812
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	560.989.199.604	818.355.253.439
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.649.179.673	225.088.101.512
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	120.216.741.470	116.986.984.002
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.416.935.848)	(14.294.656.141)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	81.428.000
140	IV. Hàng tồn kho	9	300.902.704.078	235.053.997.897
141	1. Hàng tồn kho		318.251.757.184	254.573.721.294
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.349.053.106)	(19.519.723.397)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.772.145.225	17.344.812.791
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	749.046.276	358.644.132
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		43.944.408.116	16.985.442.109
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	78.690.833	726.550

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Điều chỉnh lại) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.192.017.675.597	280.990.762.916
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.082.403.805	396.195.102
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	25.082.403.805	396.195.102
220	II. Tài sản cố định		95.501.400.222	89.417.350.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	93.516.456.762	87.503.917.319
222	- Nguyên giá		259.131.343.396	240.140.992.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(165.614.886.634)	(152.637.075.642)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.984.943.460	1.913.432.774
228	- Nguyên giá		2.461.282.000	2.276.282.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(476.338.540)	(362.849.226)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		981.502.060.716	98.142.266.767
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	981.502.060.716	98.142.266.767
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	13.578.888.541	13.783.611.853
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.578.888.541	13.783.611.853
260	V. Tài sản dài hạn khác		76.352.922.313	79.251.339.101
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	76.352.922.313	79.251.339.101
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.343.130.702.613	1.844.261.590.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2018	
			31/12/2018	(Điều chỉnh lại)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.016.786.995.990	1.521.714.531.453
310	I. Nợ ngắn hạn		963.487.568.414	1.062.663.037.532
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	305.393.686.516	438.073.205.009
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		265.954.575	10.225.150.953
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10.276.370.567	7.890.493.028
314	4. Phải trả người lao động		10.090.616.511	10.453.674.642
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.397.077.887	19.068.004.510
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		56.483.332	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.016.042.401	2.213.900.727
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	593.304.748.055	538.317.131.471
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	18.535.807.852	28.105.550.277
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.150.780.718	8.315.926.915
330	II. Nợ dài hạn		1.053.299.427.576	459.051.493.921
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.149.000.000	1.194.833.326
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	833.377.044.995	194.518.161.246
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	127.956.233.596	168.567.870.268
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	18	90.817.148.985	94.770.629.081
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		326.343.706.623	322.547.059.475
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	323.628.903.713	318.276.053.035
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		194.300.060.000	194.300.060.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>194.300.060.000</i>	<i>194.300.060.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.934.846.208	45.934.846.208
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		7.141.422.139	7.346.145.451
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		36.041.305.736	36.041.305.736
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.211.269.630	34.653.695.640
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>7.473.970.136</i>	<i>7.998.918.598</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>32.737.299.494</i>	<i>26.654.777.042</i>
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.714.802.910	4.271.006.440
431	1. Nguồn kinh phí	21	2.714.802.910	4.271.006.440
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.343.130.702.613	1.844.261.590.928

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	
			Năm 2018 VND	(Điều chỉnh lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.645.667.177.953	1.727.461.675.207
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		302.918.330	13.443.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.645.364.259.623	1.727.448.232.207
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.447.138.134.863	1.501.171.308.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		198.226.124.760	226.276.923.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.371.598.382	3.629.649.995
22	7. Chi phí tài chính	26	35.727.700.545	23.886.493.567
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.774.738.837	23.312.909.776
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	(549.285.030)
25	9. Chi phí bán hàng	27	48.600.514.737	91.942.638.968
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	70.653.231.195	71.300.816.732
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.616.276.665	42.227.339.158
31	12. Thu nhập khác	29	6.900.166.924	773.973.767
32	13. Chi phí khác	30	7.896.470.925	3.312.601.732
40	14. Lợi nhuận khác		(996.304.001)	(2.538.627.965)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.619.972.664	39.688.711.193
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	11.882.673.170	11.080.281.406
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>32.737.299.494</u>	<u>28.608.429.787</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		32.737.299.494	28.608.429.787
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.685	1.472

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Điều chỉnh lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		44.619.972.664	39.688.711.193
	2. Điều chỉnh cho các khoản		30.326.735.930	59.165.664.307
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		14.571.828.062	14.256.680.561
03	- Các khoản dự phòng		(15.558.913.105)	22.024.872.500
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(159.459.887)	(222.514.620)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.301.457.977)	(206.283.910)
06	- Chi phí lãi vay		33.774.738.837	23.312.909.776
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.946.708.594	98.854.375.500
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		227.936.732.760	(584.248.452.864)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(63.678.035.890)	(1.999.088.121)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		471.042.086.578	320.106.349.741
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.310.605.936	(478.650.194)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(34.623.614.408)	(21.670.018.802)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.893.374.512)	(7.409.261.845)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.460.800.000	7.286.060.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.251.189.231)	(5.626.452.601)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		659.250.719.827	(195.185.139.186)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(690.131.916.037)	(234.476.311.806)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		163.370.000	695.138.636
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.137.208.348	2.728.222.004
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(687.831.337.689)	(231.052.951.166)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.609.802.500.628	1.306.302.236.013
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.595.426.520.716)	(878.071.671.845)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.438.587.160)	(17.491.525.898)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.062.607.248)	410.739.038.270

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Điều chỉnh lại) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(33.643.225.110)	(15.499.052.082)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		164.582.006.512	180.027.021.209
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.011.412	54.037.385
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>130.939.792.814</u>	<u>164.582.006.512</u>

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GDCKHN (b/c);
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Hải Vân